

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HS-ST

Ngày 14-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Trí.

Ông Võ Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Nguyễn Chí N, sinh năm 1982 tại Cái Nước. Tên gọi khác: N Khùng. Nơi cư trú: Khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được họ tên của cha và bà Nguyễn Thị L; có vợ tên Phạm Kim N và một người con;

Tiền án:

Ngày 16/10/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, phạt 36 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, đến ngày 07/7/2012 chấp hành xong hình phạt. Về trách nhiệm dân sự chưa chấp hành.

Nhân thân:

Ngày 27/11/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 25/4/2004 chấp hành xong hình phạt. Các khoản nghĩa vụ theo bản án đã thi hành xong.

Ngày 02/12/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 18/6/2006 chấp hành xong hình phạt. Các khoản nghĩa vụ theo bản án đã thi hành xong.

Tiền sự: Không; bị bắt ngày 10/10/2017, tạm giữ ngày 10/10/2017, tạm giam ngày 13/10/2017 “có mặt”.

Bị cáo thứ hai: Phạm Văn T, sinh năm 1981 tại huyện Trần Văn Thời. Tên gọi khác: Phạm Minh T. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ sửa máy; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Cao Thị X; có vợ tên Trần Thị C và một người con;

Tiền án:

Ngày 14/12/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 30/8/2006 chấp hành xong hình phạt, án phí chưa thi hành.

Ngày 10/6/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (bản án xác định tái phạm), đến ngày 22/3/2010 chấp hành xong hình phạt, về trách nhiệm dân sự chưa thi hành.

Ngày 09/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời phạt 02 năm tù, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (bản án xác định tái phạm nguy hiểm), án phí chưa thi hành.

Ngày 28/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, đến ngày 12/4/2016 chấp hành xong hình phạt, các khoản nghĩa vụ theo bản án đã thi hành xong nhưng chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không; bị bắt ngày 10/10/2017, tạm giữ ngày 10/10/2017, tạm giam ngày 13/10/2017 “có mặt”.

Bị cáo thứ ba: Trần Hoàng Đ, sinh năm 1971 tại Cái Nước. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị P; có vợ tên Bùi Ngọc M và hai người con; tiền án: Không; tiền sự: Vào ngày 06/3/2017, bị Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc trái phép; bị bắt ngày 09/10/2017, tạm giữ ngày 09/10/2017, tạm giam ngày 13/10/2017 “có mặt”.

- Bị hại: Chị Lâm Kiều P, sinh năm 1971 “có mặt”.

Anh Cao Minh V, sinh năm 1967 “có mặt”.

Nơi cư trú: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Bùi Vũ Ph, sinh năm 1984 “có mặt”.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 18 giờ ngày 29/9/2017, Nguyễn Chí Nguyễn cùng với Phạm Văn T (Phạm Minh T) đến nhà của Trần Hoàng Đ thuộc ấp Tân Trung, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau để mua tôm giống bán lại. Do không có tôm nên Nguyễn Chí N rủ Phạm Văn T đi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền chi xài thì Phạm Văn T đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Phạm Văn T điều khiển vỏ Composite hiệu Thành Tân của Phạm Văn T và máy Honda 11CV của Nguyễn Chí N cùng với Nguyễn Chí N đi về hướng xã Viên An, huyện Ngọc Hiển. Khi đến nhà chị Lâm Kiều P và anh Cao Minh V thuộc ấp Nguyễn Quyền, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thì Nguyễn Chí Ng phát hiện cửa sau nhà của vợ chồng chị P không đóng cửa. Nguyễn Chí N kêu Phạm Văn T điều khiển phương tiện cặp vào bờ và dùng cây dầm cậm ép phương tiện lại. Tiếp theo, Nguyễn Chí N đi bộ vào nhà bằng đường sau và lén lút chiếm đoạt một điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S4 màu trắng; một máy tính xách tay; một máy đĩa nghe nhạc (không còn sử dụng); một máy ảnh; một con heo đất; một học tủ đựng tiền lẻ và car điện thoại đem xuống phương tiện đưa cho Phạm Văn T. Sau đó, Nguyễn Chí Ng kêu Phạm Văn T cùng đi lên nhà để không chế lấy tài sản vì Nguyễn Chí N phát hiện nhà của vợ chồng chị P chỉ có chị P và người con nhỏ. Khi Nguyễn Chí N và Phạm Văn T đến phòng ngủ của chị P thì Nguyễn Chí N dùng tay mở cửa phòng, chị P phát hiện nên cùng con là Cao Vương L chặn cửa lại. Nguyễn Chí N dùng đầu gối và tay đẩy mạnh cửa phòng làm cho cánh cửa bị bung kính thủy tinh rớt xuống bề kính. Lúc này, Nguyễn Chí N và Phạm Văn T xông vào phòng thì chị P truy hô nên bị Nguyễn Chí N không chế kêu nằm im và giật lấy 01 điện thoại Iphone 6 do chị P đang cầm và giật đứt sợi dây chuyền chị P đang đeo trên cổ. Tiếp đến, Phạm Văn T cùng với Nguyễn Chí N khiêng kết sắt rớt trúng mu bàn chân phải của Phạm Văn T làm cho Phạm Văn T bị thương, khi Phạm Văn T và Nguyễn Chí N kéo kết sắt ra ngoài thì chị P chạy thoát và truy hô. Do sợ bị phát hiện nên Nguyễn Chí N cùng Phạm Văn T bỏ lại kết sắt và một cây dầm rồi xuống phương tiện bỏ chạy. Trên đường về nhà của Trần Hoàng Đ thì Nguyễn Chí N đập con heo đất ra kiểm tra được 30.000 đồng và kiểm tra tiền trong học tủ được 200.000 đồng, đồng thời liên hệ với Trần Hoàng Đ qua điện thoại và cho hay sắp về tới nhà của Trần Hoàng Đ. Đến khoảng 03 giờ ngày 30/9/2017, Nguyễn Chí N và Phạm Văn T

về đến nhà của Trần Hoàng Đ thì Nguyễn Chí N đưa học tử cho Trần Hoàng Đ mang lên nhà, còn Nguyễn Chí N kè Phạm Văn T lên và băng vết thương cho Phạm Văn T. Sau khi kiểm tra tài sản lấy được thì Nguyễn Chí N đưa cho Trần Hoàng Đ một điện thoại Samsung Galaxy S4; một Laptop màu đen hiệu Asus; một máy phát nhạc; một máy chụp ảnh hiệu Nikon và học tử, nhưng máy nghe nhạc bị hư nên Nguyễn Chí N kêu Trần Hoàng Đ ném xuống sông cùng với học tử. Đối với tài sản còn lại là dây chuyền, tiền và máy điện thoại Iphone 6 thì Nguyễn Chí N giữ, số card điện thoại thì chia nhau sử dụng, sau đó thì Nguyễn Chí N và Phạm Văn T về Cà Mau.

Khoảng 15 giờ ngày 30/9/2017, Nguyễn Chí N đem sợi dây chuyền dạng chuỗi có trọng lượng 5 chỉ vàng 18k bán với giá 9.000.000đ gần thị trấn Hộ Phòng (không xác định địa chỉ cụ thể). Đến 18 giờ ngày 30/9/2017, Trần Hoàng Đ lên Cà Mau và gọi điện cho N ra uống cà phê gần cổng Bệnh viện tỉnh Cà Mau. Tại đây, Nguyễn Chí N đưa cho Trần Hoàng Đ một điện thoại Iphone 6 và nói là của bạn cần cầm, sau đó Trần Hoàng Đ kêu Bùi Vũ Ph đưa tiền cầm điện thoại với giá 5.500.000đ. Số tiền trên bị cáo N chia cho bị cáo T một phần, số còn lại bị cáo N giữ và chi xài cá nhân.

Tại bản kết luận giám định số 3396+3445/C54B ngày 11/10/2017 của phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Dấu vết nghi máu ghi thu tại hiện trường là máu người, phân tích ADN từ mẫu máu này cho kiểu gen nam giới hoàn chỉnh và trùng với kiểu gen của Phạm Văn T.

Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐ ngày 11/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiển xác định tài sản có giá trị như sau:

Một máy laptop Asus Z37EP giá 1.398.000 đồng.

Một máy chụp ảnh Nikon L29 giá 417.000 đồng.

Một con heo đất giá 27.000 đồng.

Một điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S4, màu trắng giá 918.000 đồng.

Một két sắt hiệu Hòa Phát (0.4 x 4.5 x 0.6)m giá 480.000 đồng.

Một điện thoại Iphone 6 plus màu vàng gold giá 5.800.000 đồng.

Một sợi dây chuyền bản đẹp, khoan lật, vàng loại 18K, trọng lượng 12 chỉ giá 28.320.000 đồng.

Một sợi dây chuyền dạng chuỗi, vàng loại 18K, trọng lượng 05 chỉ giá 11.800.000 đồng.

Đối với máy phát nhạc không rõ hiệu, người bị hại cũng không xác định được tài sản mua được bao lâu, giá trị mua bao nhiêu, hiện tại đã hư hỏng; card điện thoại

mạng Vinaphone và Viettel không có số lượng cụ thể; đối với học tử không xác định được loại gỗ và không có đủ thông tin nên không định giá được.

Tài sản đã trả lại cho bị hại gồm một điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng gold; một điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S4 màu trắng; một máy chụp ảnh Nikon; một máy tính (loptop) hiệu Asus và một két sắt hiệu Hòa Phát.

Tài sản, vật chứng hiện đang thu giữ:

Một thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000đ đã cào, số seri 36285800279742, mã nạp thẻ 85735635105404.

Một thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ chưa cào, có số seri 77632348636.

Một áo sơ mi sọc ca rô, dài tay, màu đỏ đen xanh, cúc nhựa đã cũ.

Một cái nón kết màu đen xám, bằng vải.

Một máy nổ Honda 11CV, mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu xanh, giàn cầu Inox.

Một vỏ composite hiệu Thành Tân dài 5,4m màu xanh lường màu trắng.

Một lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chiều dài 12cm, có 01 đầu nhọn và 01 đầu bằng, đầu bằng có dấu gãy.

Một cán dao bằng nhựa màu vàng.

Một cây gỗ đầu tròn, bản đẹp, chiều dài 1,9m.

Một tấm nhôm cửa kính kích thước (75 x 11 x 0,1) cm màu nâu.

Một tấm kính có hoa văn cửa buồng ngủ kích thước (0,9 x 10 x 10) cm.

Một sợi dây dù màu xanh lá đã bị cắt đứt kích thước (117 x 0,12) cm.

Ngoài ra, còn thu giữ nhiều tài sản khác nhưng đã chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Bình và huyện Năm Căn để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố các bị cáo:

Truy tố bị cáo Nguyễn Chí N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 và tội Cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 và tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133

của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm.

Truy tố bị cáo Trần Hoàng Đ về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa các bị cáo đều xác định chính bị cáo Ng là người rủ bị cáo T đi trộm cắp tài sản, đối với bị cáo Đ đồng tình với bị cáo N và bị cáo T trong việc trộm cắp tài sản và cùng mang tài sản về tại nhà của bị cáo Đ.

Ngoài ra, bị cáo N và bị cáo T thừa nhận có dùng vũ lực đẩy ép cửa vào bên trong khi có sự chống cự của bị hại làm cho kính cửa bị bể và khống chế bị hại để chiếm đoạt tài sản. Việc dùng vũ lực được thực hiện bằng tay, chân và lời nói để chiếm đoạt tài sản, việc này chỉ có bị cáo N và bị cáo T thực hiện, phía bị cáo Đ hoàn toàn không biết. Đối với tài sản khi dùng vũ lực để chiếm đoạt không có sợi dây chuyền vàng 18k bản đẹp, khoan lật, trọng lượng 12 chỉ theo kết luận định giá 28.320.000 đồng nên bị cáo N và bị cáo T không chấp nhận bồi thường phần tài sản này. Các tài sản còn lại bị cáo N và bị cáo T chấp nhận bồi thường cho bị hại gồm giá trị học tử 500.000 đồng, giá trị hai tấm kính cửa bị bể và công thợ ráp lại 2.500.000 đồng, tiền trong con heo đất 30.000 đồng, tiền giá trị con heo đất 27.000 đồng, tiền trong card điện thoại 400.000 đồng và tiền trong học tử 200.000 đồng.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Bị hại Lâm Kiều P khai nhận bị cáo N cùng bị cáo T dùng vũ lực và dùng dao khống chế bị hại để chiếm đoạt tài sản, trong đó có sợi dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 12 chỉ. Số tài sản bị chiếm đoạt là tài sản chung của chị và chồng chị là anh Cao Minh V, giá trị hai tấm kính cửa bị bể và tiền công ráp lại là 2.500.000 đồng, giá trị học tử 500.000 đồng. Yêu cầu xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo N và bị cáo T bồi thường thiệt hại số tài sản chưa được nhận trong đó có sợi dây chuyền vàng 18 k trọng lượng 12 chỉ.

Đối với anh Cao Minh V xác định ngày xảy ra vụ án anh không có mặt ở nhà nhưng anh khẳng định và thống nhất theo lời khai của chị Lâm Kiều P.

Đối với Bùi Vũ Ph xác định có cầm máy Iphone 6 của bị cáo N đưa nhưng anh Ph không biết đây là tài sản do bị cáo N phạm tội mà có.

Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị xử phạt các bị cáo:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí N từ 01 đến 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và từ 04 đến 05 năm tù về tội Cướp tài sản.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 đến 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và từ 07 đến 08 năm tù về tội Cướp tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Đ từ 09 đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước gồm một máy nổ Honda 11CV, mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu xanh, giàn cầu Inox và một vỏ composite hiệu Thành Tân dài 5,4m màu xanh lườn màu trắng.

Tịch thu tiêu hủy một thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000đ đã cào, số seri 36285800279742, mã nạp thẻ 85735635105404; một lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chiều dài 12cm, có 01 đầu nhọn và 01 đầu bằng, đầu bằng có dấu gậy; một cán dao bằng nhựa màu vàng; một cây gỗ đầu tròn, bản đẹp, chiều dài 1,9m; một tấm nhôm cửa kính kích thước (75 x 11x 0,1) cm màu nâu; một tấm kính có hoa văn cửa buồng ngủ kích thước (0,9 x 10 x 10) cm; một sợi dây dù màu xanh lá đã bị cắt đứt kích thước (117 x 0,12) cm.

Đề nghị trả lại chị Lâm Kiều P một thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ chưa cào, có số seri 77632348636. Trả lại cho bị cáo Tạo một áo sơ mi sọc ca rô, dài tay, màu đỏ đen xanh, cúc nhựa đã cũ và một cái nón kết màu đen xám, bằng vải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Chí N và Phạm Văn T đều khai nhận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Lâm Kiều P và anh Cao Minh V. Sau khi lén lút chiếm đoạt xong tài sản, các bị cáo cùng quay lại nhà của chị P và cùng thực hiện hành vi dùng vũ lực khống chế để chiếm đoạt các tài sản khác. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, không gian và địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với đặc điểm của từng loại tài sản bị chiếm đoạt đã được thu giữ. Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo cùng với các chứng cứ thu thập đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Nguyễn Chí N đã có hành vi rủ và cùng với bị cáo Phạm Văn T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Lâm Kiều P và anh Cao Minh V số tài sản gồm một máy laptop Asus Z37EP, một máy chụp ảnh Nikon L29, một con heo đất, một điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S4 màu trắng theo kết luận định giá là 2.760.000 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn lén lút chiếm đoạt của chị P và anh V một đĩa nghe nhạc nhưng đã hư hỏng, một hộp tú

đựng tiền đã ném bỏ không thu hồi được và card điện thoại không rõ thông tin và không định giá được nên lấy theo giá trị các bị cáo thừa nhận có 400.000 đồng tiền trong card điện thoại, có 200.000 đồng trong học tử đựng tiền, 30.000 đồng có trong con heo đất và giá trị học tử 500.000 đồng để xác định chung giá trị cùng với những loại tài sản nêu trên để làm căn cứ tính giá trị tài sản bị lén lút chiếm đoạt là 3.890.000 đồng. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 3.890.000 đồng của bị cáo N và bị cáo T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tội phạm đã thực hiện hoàn thành.

[2] Sau khi hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành, bị cáo N kêu bị cáo T quay trở lại nhà của bị hại dùng vũ lực khống chế để chiếm đoạt tài sản gồm một két sắt hiệu Hòa phát (0.4 x 4.5 x 0.6)m, một điện thoại Iphone 6 plus màu vàng gold và sợi dây chuyền 18k dạng chuỗi có trọng lượng 05 chỉ, tổng giá trị theo định giá là 18.080.000 đồng. Ngoài ra, theo bị hại khai bị cáo N và bị cáo T dùng vũ lực chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng 18k bản đẹp, khoan lật, trọng lượng 12 chỉ theo kết luận định giá là 28.320.000 đồng nhưng bị cáo N và bị cáo T không thừa nhận có sợi dây chuyền này, quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh nên giá trị tài sản bị chiếm đoạt do hành vi dùng vũ lực được xác định là 18.080.000 đồng. Xét thấy, bị cáo N và bị cáo T đã có hành vi dùng vũ lực làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản có giá trị 18.080.000 đồng, hành vi của bị cáo N và bị cáo T đã phạm vào tội Cướp tài sản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với bị hại khai nhận bị cáo N và bị cáo T dùng dao khống chế để chiếm đoạt tài sản nhưng các bị cáo không thừa nhận, quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở để xét xử bị cáo thuộc trường hợp sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác.

[3] Mặc dù, bị cáo N vào ngày 27/11/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và ngày 02/12/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và đã chấp hành xong bản án, tính đến ngày phạm tội lần này đã được xóa án tích. Đối với tội Chống người thi hành công vụ vào ngày 16/10/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xử phạt 36 tháng tù, đến nay bị cáo vẫn chưa chấp hành xong về phần dân sự, xem như chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo N chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 và tội

Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự theo Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Bị cáo T đã có 4 lần bị Tòa án xét xử và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, chưa được xóa án tích và lần phạm tội này được xác định thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên hành vi của bị cáo T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 và tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm.

[4] Đối với bị cáo Trần Hoàng Đ mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo Đ biết việc bị cáo N và bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên đã thống nhất ý chí và hứa hẹn để rồi sau đó giúp sức bằng cách trực tiếp mang các loại tài sản lên lút chiếm đoạt được để tại nhà của mình nhằm tìm cách tiêu thụ chia tiền nhau xài. Như vậy, bị cáo Đ đã có ý thức cùng thực hiện tội phạm lên lút chiếm đoạt tài sản nên bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức về tội Trộm cắp tài sản cùng với bị cáo N và bị cáo T. Với giá trị tài sản lên lút chiếm đoạt được xác định là 3.890.000 đồng nên hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Riêng đối với hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản ý thức của bị cáo Đ hoàn toàn không biết, việc này chỉ có bị cáo N và bị cáo T thống nhất thực hiện nên bị cáo Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành là bị cáo N và bị cáo T về hành vi Cướp tài sản.

[5] Mặc dù, hành vi của các bị cáo thực hiện trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực nhưng qua xem xét, đối chiếu khung hình phạt các bị cáo bị truy tố với khung hình phạt tương ứng theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt như nhau nên áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 173 và khoản 1, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đang có hiệu lực để xét xử về hành vi của từng bị cáo đã thực hiện.

[6] Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân là động cơ thúc đẩy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự và các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[7] Đối với bị cáo N là người chủ động và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án nhưng bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trước đây bị cáo bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản và chống người thi hành công vụ nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt trong khi chưa được xóa án tích. Chứng tỏ bị cáo chưa ăn năn hối cải và lần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo.

[8] Bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức, mặc dù bị cáo không phải là người chủ động khởi xướng nhưng bị cáo là người trực tiếp cùng thực hiện tội phạm tích cực. Bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và bị truy tố ở khung hình phạt nặng hơn nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tù nặng hơn so với bị cáo N.

[9] Bị cáo Đ thực tế bị đưa ra xét xử lần đầu nhưng đối với bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi vi phạm trước đó đang bị truy tố chờ xét xử nên không thể áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo đã có một tiền sự vào ngày 06/3/2017 về hành vi đánh bạc nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc và đánh giá mức độ, tính chất của vụ án cũng như căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo N và bị cáo T phạm nhiều tội nên tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N và bị cáo T phải chấp hành chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

[10] Đối với Bùi Vũ Ph có hành vi cầm máy Iphone 6 do bị cáo N đưa nhưng anh Ph không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[11] Số tài sản lén lút chiếm đoạt còn lại giá trị con heo đất 27.000 đồng, tiền trong con heo đất 30.000 đồng, giá trị học tử 500.000 đồng, tiền trong học tử

200.000 đồng, tiền trong card điện thoại 400.000 đồng, tổng giá trị là 1.157.000 đồng hiện tại chưa bồi thường cho bị hại. Phần tài sản này bị hại yêu cầu bị cáo N và bị cáo T bồi thường được các bị cáo chấp nhận nên buộc bị cáo N và bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại, mỗi bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị = 578.500 đồng. Đối với số tài sản dùng vũ lực để chiếm đoạt hiện tại còn lại sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 5 chỉ có giá trị = 11.800.000 đồng, số tài sản này do bị cáo N và bị cáo T chiếm đoạt và quá trình thực hiện hành vi cướp tài sản bị cáo N và bị cáo T dùng vũ lực làm bể hai kính cửa giá trị bị thiệt hại là 2.500.000 đồng. Giá trị tài sản bị thiệt hại do hành vi dùng vũ lực gây ra hiện chưa bồi thường là 14.300.000 đồng (11.800.000 đồng + 2.500.000 đồng) nên buộc bị cáo N và bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại, mỗi bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị = 7.150.000 đồng theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Như vậy, bị cáo N và bị cáo T mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị P và anh V = 7.728.500 đồng (7.150.000 đồng + 578.000 đồng). Các bị cáo có trách nhiệm bồi thường phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Riêng sợi dây chuyền vàng 18k bản đẹp, khoan lật theo bị hại khai có trọng lượng 12 chỉ không có chứng cứ xác định bị cáo N và bị cáo T chiếm đoạt nên không buộc trách nhiệm bồi thường. Số tài sản khác đã trả lại cho bị hại nên không đặt ra.

[12] Về tài sản, vật chứng thu giữ gồm một thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000đ đã cào, số seri 36285800279742, mã nạp thẻ 85735635105404 không xác định được của ai; một lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chiều dài 12cm, có 01 đầu nhọn và 01 đầu bằng, đầu bằng có dấu gãy; một cán dao bằng nhựa màu vàng, 01 cây gỗ đầu tròn, bản đẹp, chiều dài 1,9m; một tấm nhôm cửa kính, kích thước (75 x 11x 0,1) cm màu nâu; một tấm kính có hoa văn cửa buồng ngủ kích thước (0,9 x 10 x 10) cm; một sợi dây dù màu xanh lá đã bị cắt đứt, kích thước (117 x 0,12) cm hiện tại không còn sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Một thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ chưa cào, có số seri 77632348636 không xác định được chủ sở hữu; một máy nổ Honda 11CV, mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu xanh, giàn cầu Inox và một vỏ composite hiệu Thành Tân dài 5,4m màu xanh lờng màu trắng đây là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Một áo sơ mi sọc ca rô, dài tay, màu đỏ đen xanh, cúc nhựa đã cũ và một cái nón kết màu đen xám, bằng vải được xác định là của bị cáo T nên tuyên trả lại cho bị cáo T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các tài sản khác đã chuyển cho chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Bình và huyện Năm Căn để xử lý theo thẩm quyền nên không đặt ra.

[13] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo N và bị cáo T, riêng bị cáo Trần Hoàng Đ Hội đồng xét xử đã cân nhắc về tính chất của vụ án, nhân thân, điều kiện phạm tội và giá trị tài sản lén lút chiếm đoạt nên có sự điều chỉnh mức hình phạt đối với bị cáo Đ nhẹ hơn so với mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị.

[14] Các bị cáo đều bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đối với bị cáo N và bị cáo T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì mỗi bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên tổng số tiền bồi thường (7.728.500 đồng X 5%) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Nguyễn Chí N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N phải chấp hành là 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 07 (bảy) năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành là 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Trần Hoàng Đ 07 (bảy) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2017.

Căn cứ Điều 589 của Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Nguyễn Chí N và bị cáo Phạm Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho chị Lâm Kiều P và anh Cao Minh V 7.728.500 đồng.

Kể từ khi chị Lâm Kiều P và anh Cao Minh V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn, bị cáo Tạo chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì bị cáo Nguyễn, bị cáo Tạo phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tịch thu tiêu hủy một thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000đ đã cào, số seri 36285800279742, mã nạp thẻ 85735635105404; một lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chiều dài 12cm, có 01 đầu nhọn và 01 đầu bằng, đầu bằng có dấu gãy; một cán dao bằng nhựa màu vàng, 01 cây gỗ đầu tròn, bản đẹp, chiều dài 1,9m; một tấm nhôm cửa kính, kích thước (75 x 11x 0,1) cm màu nâu; một tấm kính có hoa văn cửa buồng ngủ kích thước (0,9 x 10 x 10) cm; một sợi dây dù màu xanh lá đã bị cắt đứt, kích thước (117 x 0,12) cm.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T một áo sơ mi sọc ca rô, dài tay, màu đỏ đen xanh, cúc nhựa đã cũ và một cái nón kết màu đen xám, bằng vải.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước một thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ chưa cào, có số seri 77632348636, một máy nổ Honda 11CV, mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu xanh, giàn cầu Inox và một vỏ composite hiệu Thành Tân dài 5,4m màu xanh lờng màu trắng.

Tất cả các tài sản, vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2018.

Các tài sản khác đã chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Bình và huyện Năm Căn để xử lý theo thẩm quyền nên không xem xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí N, Phạm Văn T và Trần Hoàng Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí N và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 386.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải